



ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHAN THIẾT
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
1	1.014852	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	
2	1.014850	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	

3	1.014849	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bản, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	
4	1.014863	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	

5	1.014854	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	
---	----------	---	---

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
6	1.014851	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	
7	1.014848	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
8	1.014859	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	
9	1.014864	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
10	1.014862	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	
11	1.014860	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	
12	1.014853	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
13	1.014832	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	
14	1.014801	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	

15	1.014275	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	
16	1.014284	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	
17	1.014258	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp Xã)	

18	1.014259	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp Xã)	
19	3.000502	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	
20	1.004359	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản	

21	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	
22	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	
23	3.000439	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	
24	3.000443	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	

25	3.000441	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	
26	3.000440	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	
27	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
28	3.000442	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	
29	1.013979	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	
30	1.013967	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	

31	1.013965	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
32	1.013978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	

33	1.013953	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	
----	----------	--	--

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
34	1.013950	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	
35	1.013952	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	
36	1.009481	Công nhận khu vực biên (cấp tỉnh)	

37	1.005399	Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh)	
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
38	1.005401	Giao khu vực biển (cấp tỉnh)	
39	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
40	1.013962	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều	

		kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách	
--	--	---	--

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
41	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	
42	1.005400	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh)	

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
43	1.004935	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Bãi bỏ tại Quyết định số
44	3.000412	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	
45	1.012922	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
46	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitor lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	

47	1.012837	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	
----	----------	---	--

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
48	1.012817	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	
49	1.012818	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	
50	1.012812	Hòa giải tranh chấp đất đai	

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
51	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	
52	1.012753	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	
53	1.012694	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	

54	1.012531	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	
----	----------	---	---

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
55	3.000250	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	
56	1.011995	Lựa chọn, phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ của cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	
57	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
58	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	
59	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	
60	1.011609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
61	1.011518.	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	
62	1.011471.	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	
63	1.010736.	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	
64	1.010727.	Cấp giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010727)	

65	1.010092.	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
66	1.010091.	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	
67	1.007919.	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân	

		cấp xã quyết định đầu tư	
68	1.008004.	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
69	1.003596.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	
70	2.001621.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	
71	1.003440.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
72	1.003446.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
73	1.004498.	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	
74	1.003956.	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	
			

75	1.003471.	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
76	1.003347.	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	
77	2.001627.	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	

78	1.003434.	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	
79	2.001827.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
80	1.004839.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	
81	1.001686.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	
82	1.004656.	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
83	1.004680.	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	
84	1.001662.	Đăng ký khai thác nước dưới đất	
85	1.000824.	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (cấp tỉnh)	

86	2.001770.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành .	
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
87	1.004283.	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	
88	1.004211.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	
89	1.004223.	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	

90	1.004228.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
91	1.004232.	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	